

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HS-ST

Ngày: 13 – 01 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khởi.

Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại Nhà Văn hóa thuộc trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST-HS, ngày 24 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA, ngày 07 tháng 01 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức N**, sinh ngày 03/5/1985 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số 54/21, đường P, Khóm X, Phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Lương Thị Thu V (chết); Có vợ là Quách Hồng D và 03 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 04/02/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 07/4/2006, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích). Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2019 đến nay, bị cáo có mặt.

2. **Trần Hoàng D**, sinh năm 1977 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số 612/45I, đường M, Khóm X, Phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Võ Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị Thùy T (đã ly hôn) và 02 người con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 14/4/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích, do chưa đóng tiền án phí).

+ Ngày 10/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Ngày 02/9/2008 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích, do chưa đóng tiền án phí và thực hiện trách nhiệm dân sự).

+ Ngày 21/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 15/12/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2019 đến nay, có mặt.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1997, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Quách Hồng D, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: Số 54/21, đường P, Khóm X, Phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Đặng Minh A, sinh năm 1995, vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 7/84, đường H, Phường X, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trần Công D, sinh năm 1971, vắng mặt.

3. Chị Kiên Thị N, sinh năm 1972, vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

4. Anh Vũ Việt H, sinh năm 1991, vắng mặt.

5. Ông Hà Phước T, sinh năm 1960, vắng mặt.

6. Ông Phạm Thế H, sinh năm 1967, vắng mặt.

7. Anh La Thành L, sinh năm 1999, có mặt.

Cùng cư trú: ấp B, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

8. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi cư trú: Ấp Sò A, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đức N và bị cáo Trần Hoàng D có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Vào khoảng 17 giờ ngày 02/11/2019, sau khi uống rượu xong tại nhà của D, N rủ D đi giật tài sản của người khác (do N đang thiếu nợ), D đồng ý. Để thực hiện hành vi, N về nhà lấy xe mô tô Wave màu trắng, biển số 83P3-170.97 (xe này do bà Quách Hồng D, vợ của N, đứng tên chủ sở hữu) điều khiển qua nhà của D, N giao xe cho D điều khiển, chờ N ngồi phía sau, đi từ nhà của D ra Quốc lộ 1A về hướng thành phố Cần Thơ tìm người nào sơ hở để giật tài sản.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D và N đi đến đoạn đường Quốc lộ 1A, thuộc ấp B, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, N phát hiện phía trước có anh Đặng Minh A, điều khiển xe mô tô hiệu Janus, biển số 83P4-010.02 chở chị Nguyễn Thị Cẩm G, ngồi phía sau có đeo 01 túi xách nữ màu đen phía bên phải, nên N kêu D chạy lên áp sát để N giật túi xách của G. Khi nghe N nói, D điều khiển xe mô tô chạy vượt lên song song, phía bên phải của xe mô tô biển số 83P4-010.02, N chòm người qua dùng 02 tay giật lấy túi xách của chị G đang đeo trên người. Sau khi giật được túi xách, N để túi xách lên yên xe, rồi nói cho D biết và kêu D chạy xe nhanh lên, còn chị G truy hô: “*Cướp! Cướp!*”, D tăng ga điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến cầu Ba Rinh, rẽ phải vào lộ đal về ấp M, xã Đ. Anh A điều khiển xe đuổi theo D và N, chị G tiếp tục truy hô, lúc này anh Vũ Việt H, đang ở nhà, nghe tiếng truy hô của chị G nên đã gọi điện báo cho lực lượng Công an xã Đ, đồng thời truy đuổi theo D và N.

Khi chạy đến chợ Mang Cá, D điều khiển xe chở N đến nhà anh Trần Công D, là bạn của D, N xuống xe trước, D xuống sau, N cầm túi xách chòm người về trước để túi xách trên ba ga xe, D dẫn xe vào trong nhà anh D2 và đậu xe trong buồng nhà anh D2, rồi cùng N đi ra trước nhà nói chuyện với anh D2 thì thấy lực lượng Công an xã Đ đến, nên D đi vào chỗ đậu xe, lấy túi xách vừa giật được mang đi ra sau nhà anh D2, vứt bỏ xuống dưới mé sông, chỗ cầu vệ sinh nhà của anh D2, sau đó D vào nhà dẫn xe ra thì bị lực lượng Công an xã Đ ngăn lại, đồng thời bị lấy chìa khóa xe. Do bị ngăn cản nên D cự cãi với lực lượng Công an xã Đ, D đi vào nhà anh D2 lấy 02 (hai) cây búa thầu ra tấn công lực lượng Công an xã Đ nhằm mục đích tẩu thoát, anh D2 đến can ngăn và giật lấy 02 (hai) cây búa thầu trên tay D. Lúc này, lực lượng Công an xã Đ bắt giữ được D và N đưa về trụ sở Công an xã Đ.

Tại Cơ quan Điều tra, N và D đã thừa nhận hành vi cướp giật tài sản của mình, Cơ quan Điều tra tiến hành thu giữ và niêm phong túi xách màu đen mà N và

D chiếm đoạt của chị G (bên trong có 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI; 01 cục sạc điện thoại di động; 01 son môi; 01 mắt kính và 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 54/BB ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: Một điện thoại di động hiệu HUAWEI, model: CAM-L21, giá trị còn lại là 45% thành tiền 1.345.500 đồng (Một triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, năm trăm đồng), còn những tài sản còn lại (01 túi xách, 01 son môi, 01 mắt kính, 01 cục sạc điện thoại) do chưa xác định được Nn hiệu tài sản và không khảo sát được giá thị trường nên Hội đồng không có cơ sở định giá.

- Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-H.KS, ngày 23/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xét xử các bị cáo **Nguyễn Đức N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Trần Hoàng D về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, đ và i, khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015.**

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố, tóm tắt lại hành vi phạm tội của các bị cáo, nêu ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nêu rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt: Bị cáo N từ 03 năm đến 04 năm tù, bị cáo D 04 năm đến 05 năm tù.

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án dành cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Thị Cẩm G và người làm chứng Đặng Minh A đều vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các người làm

chứng Trần Công D, Kiêm Thị N, Vũ Việt H, Hà Phước T và Phạm Thế H đều vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, trong quá trình điều tra, người bị hại và các người làm chứng này đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án, việc vắng mặt họ cũng không làm ảnh hưởng, không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Kiểm sát viên đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 02/11/2019, tại ấp B, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo Nguyễn Đức N và Trần Hoàng D có hành vi điều khiển xe gắn máy áp sát rồi công khai giật túi xách, bên trong có một điện thoại di động hiệu Huawei trị giá 1.345.500 đồng, của chị Nguyễn Thị Cẩm G, đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo D đã tái phạm, chưa được xóa án tích, mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, bị cáo D có hành vi dùng 02 cây búa thép tấn công lực lượng Công an xã Đ nhằm mục đích tẩu thoát và bị anh Trần Công D can ngăn, giật lại búa thép trên tay, nên thuộc các trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và “Hành hung để tẩu thoát”, đây là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại các điểm d, đ và i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Trần Hoàng D về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, đ và i, khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố, nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, nguồn nguy hiểm cao độ, làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và bị trừng trị, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường

pháp luật. Xét nhân thân bị cáo D là xấu, bị cáo đã 03 lần bị kết án nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo và được người bị hại làm đơn bãi nại yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo N đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 1.300.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo biên bản thỏa thuận ngày 24/12/2019 về việc bồi thường thiệt hại trong vụ cướp giật tài sản, bà Quách Hồng D đã bồi thường cho người bị hại số tiền 1.300.000 đồng, người bị hại cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm, theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/01/2020, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 (Một) túi xách nữ màu đen, chiều ngang 19cm, chiều cao 13cm, chiều rộng 06cm, có chốt gài bằng kim loại màu đen, có dây đeo dài 87cm, được gắn vào túi xách bằng chốt gài kim loại, chốt gài bên phải bị gãy, túi xách và dây đeo được làm bằng da màu đen (đã niêm phong) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Huawei, model CAM – L21, màu vàng đồng, có sử dụng ốp lưng bằng nhựa màu đen, điện thoại bị ướt không còn sử dụng được.

Các vật chứng này không còn giá trị sử dụng, người bị hại cũng không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho người bị hại các tài sản cá nhân sau đây:

+ 01 (Một) củ (cục) sạc pin điện thoại hiệu Wiko, Model: TN-050100E5, màu đen, xuất xứ Trung Quốc, có gắn dây cáp sạc;

+ 01 (Một) mắt kính (loại kính mát), không rõ Nn hiệu, tròng kính tròn, mặt ngoài màu xanh, mặt trong màu đen, gọng kính bằng nhựa màu đen và kim loại màu vàng;

+ 01 (Một) cây son môi có vỏ bằng nhựa màu đen, đầu nắp có chữ: COLOR LAB LIPSTICK, thân cầm có chữ: Dr.Geo;

+ 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (Một ngàn đồng).

- Đối với cái áo khoác nam dài tay, 02 lớp, lớp bên ngoài bằng vải màu đen bóng, đây là tài sản cá nhân của bị cáo N, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với chiếc xe mô tô Nn hiệu Honda, loại: Wave, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát số: 83P3-170.97. Đây là tài sản của bà Quách Hồng D, bà Diễm không biết bị cáo N sử dụng để đi cướp giật tài sản của người khác, nên cần trả lại cho bà Diễm chiếc xe này.

- Đối với 02 cây búa thần, là tài sản của anh Trần Công D, nên trả lại cho anh D2.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt các bị cáo ở mức cao nhất, theo như đề nghị của Kiểm sát viên, là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đức N.

Căn cứ các điểm d, đ, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Hoàng D.

Căn cứ các điều 106, 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N và bị cáo Trần Hoàng D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2019. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng D 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, cho nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

4.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) túi xách nữ màu đen, chiều ngang 19cm, chiều cao 13cm, chiều rộng 06cm, có chốt gài bằng kim loại màu đen, có dây đeo dài 87cm, được gắn vào túi xách bằng chốt gài kim loại, chốt gài bên phải bị gãy; Túi xách và dây đeo được làm bằng da màu đen (đã niêm phong) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Huawei, Model CAM – L21, màu vàng đồng, có sử dụng ốp lưng bằng nhựa màu đen, điện thoại bị ướt không còn sử dụng được.

4.2. Trả lại cho người bị hại Nguyễn Thị Cẩm G các tài sản cá nhân sau đây:

+ 01 (Một) củ (cục) sạc pin điện thoại hiệu Wiko, Model: TN-050100E5, màu đen, xuất xứ Trung Quốc, có gắn dây cáp sạc;

+ 01 (Một) mắt kính (loại kính mát), không rõ Nn hiệu, tròng kính tròn, mặt ngoài màu xanh, mặt trong màu đen, gọng kính bằng nhựa màu đen và kim loại màu vàng;

+ 01 (Một) cây son môi có vỏ bằng nhựa màu đen, đầu nắp có chữ: COLOR LAB LIPSTICK, thân cầm có chữ: Dr.Geo;

+ 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (Một ngàn đồng).

4.3. Trả lại cho bà Quách Hồng D một xe Mô-tô Nn hiệu Honda, loại: Wave, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát số: 83P3-170.97.

4.4. Trả lại cho anh Trần Công D hai cây búa:

- 01 (Một) cây búa, loại búa thầu, chiều dài 29,5cm, có cán bằng gỗ, dài 27,5cm, đường hoành chỗ rộng nhất là 9,5cm, chỗ nhỏ nhất là 7cm, đầu búa bằng kim loại, dài 8,8cm, rộng 2cm, có 01 đầu vuông và 01 đầu dẹp, đầu búa có sơn màu đỏ, bị rỉ sét (đã niêm phong);

- 01 (Một) cây búa, loại búa thầu, chiều dài 26cm, có cán bằng gỗ, dài 24,5cm, đường hoành chỗ rộng nhất là 8cm, chỗ nhỏ nhất là 6cm, đầu búa bằng kim loại, dài 8cm, rộng 1,5cm, có 01 đầu vuông và 01 đầu dẹp, đầu dẹp có khe để nhỏ đinh, đầu búa có sơn màu đỏ, bị rỉ sét, cây búa bị gãy cán ở phần gắn với đầu búa (đã niêm phong);

4.5. Trả cho bị cáo Nguyễn Đức N một áo khoác nam dài tay, 02 lớp, lớp bên ngoài bằng vải màu đen bóng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo N và D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CAND huyện Kế Sách;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Vinh Thắng